



Bản tin
**HÀNG RÀO KỸ THUẬT
TRONG THƯƠNG MẠI**
TỈNH BÌNH THUẬN

Số 42 (Tháng 3/2018)

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH THUẬN
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

04 Nguyễn Hội - TP. Phan Thiết. ĐT: 3754042. Email: phongtb.binhthuan@gmail.com

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Đừng vì lợi ích trước mắt làm mất thị trường xuất khẩu

Ngày 23/10/2017, Ủy ban châu Âu đã áp dụng biện pháp cảnh báo đối với sản phẩm khai thác của Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu (thể vàng), đây là nguy cơ rất lớn có thể dẫn đến mất thị trường xuất khẩu thủy sản của cả nước.nhất...



Lý do là những năm gần đây, tàu cá và ngư dân Việt Nam - trong đó có ngư dân Bình Thuận, xâm phạm vùng biển nước ngoài để khai thác, thu mua hải sản trái phép, bị nước ngoài bắt giữ, xử lý có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Tình trạng này một mặt gây thiệt hại cho chính ngư dân do tài sản bị tịch thu, đánh chìm, người lao động bị phạt tiền, thậm chí bị phạt tù. Mặt khác còn làm ảnh hưởng đến hình ảnh của quốc gia trên thị trường quốc tế,

tác động xấu đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường thế giới. Mặc dù Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp ngăn chặn hoạt động đánh bắt hải sản bất hợp pháp tại vùng biển các nước, song vẫn chưa chấm dứt triệt để tình trạng này.

Nguyên nhân của tình trạng trên có yếu tố tác động từ chính sách nước lớn trên biển Đông gây khó khăn cho hoạt động sản xuất của ngư dân, lực lượng chấp pháp các nước

trong khu vực tăng cường tuần tra, bắt giữ tàu cá vi phạm để khẳng định chủ quyền. Nhưng chủ yếu vẫn là do cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ, đúng mức về tính chất nghiêm trọng của tình trạng trên nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa đồng bộ và thiếu quyết liệt. Công tác xử lý vi phạm còn chưa nghiêm, biện pháp chế tài còn chưa đủ sức răn đe. Nhiều chủ tàu, thuyền trưởng vì lợi ích kinh tế vẫn cố tình vi phạm vùng biển chủ quyền các nước để đánh bắt hải sản, bất chấp quy định của pháp luật và cảnh báo từ chính quyền và các lực lượng chức năng.

Đối với Bình Thuận, tình hình tàu cá và ngư dân xâm phạm vùng biển nước ngoài để khai thác và thu mua hải sản trái phép bị nước ngoài bắt giữ ngày càng tăng. Hai địa phương có số tàu, thuyền và ngư dân bị nước ngoài bắt giữ nhiều nhất là thị xã La Gi và huyện Phú Quý. Theo số liệu thống kê, năm 2016 toàn tỉnh xảy ra 17 vụ/24 tàu cá/228 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, năm 2017 xảy ra 7 vụ/10 tàu/99 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ. Riêng 3 tháng đầu năm 2018 có 1 vụ/3 tàu/23 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, cả 3 tàu cá này mang biển đăng ký của Bình Thuận nhưng chủ yếu cư trú và hoạt động tại vùng biển Bạc Liêu, mỗi năm chỉ về Bình Thuận từ 1 đến 2 tuần để đăng kiểm.

Trước thực trạng trên, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 45, ngày 13/12/2017, đồng thời Tỉnh ủy cũng có Chỉ thị số 30 ngày 16/1/2018, nhằm huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị quyết liệt thực hiện các giải pháp nhằm chấm dứt tình trạng tàu cá, ngư dân trong tỉnh khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài trước ngày 30/4/2018. Nhiệm vụ và giải pháp trước mắt đối với tỉnh là Ban cán sự, UBND tỉnh, các huyện, thị và thành ủy vùng biển khẩn trương tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình kết quả thực hiện Công điện số 732, ngày 28/5/2017, của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chỉ thị 45 của Thủ tướng Chính phủ. Từng cấp ủy, chính quyền các địa phương vùng biển đưa mục tiêu, nhiệm vụ ngăn chặn, chấm dứt tình trạng tàu cá, ngư dân trong tỉnh khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài vào nghị quyết của cấp ủy, kế hoạch của chính quyền trong năm 2018. Trên cơ sở đó đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục ngư dân, xác định rõ đối tượng chính của công tác tuyên truyền giáo dục là chủ tàu, thuyền trưởng tàu cá xa bờ. Phải làm cho ngư dân hiểu việc này trước tiên vì sự an toàn trong sản xuất, đời sống và sinh kế của chính ngư dân, đồng thời cùng cả nước thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban châu Âu nhằm sớm gỡ bỏ cảnh báo (thẻ vàng) đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Từ nay trở đi, nếu phát hiện chủ tàu, thuyền trưởng có hành vi đưa tàu cá, ngư dân khai thác trái phép ở vùng biển nước ngoài, các cơ quan chức năng phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, tước quyền sử dụng giấy phép khai thác vĩnh viễn, kiên quyết điều tra, xử lý hình sự đối với chủ tàu, thuyền trưởng tái phạm...

Nguồn: Báo Bình Thuận

Xuất khẩu hàng hóa Bình Thuận quý I/2018 có nhiều khởi sắc

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa Bình Thuận tiếp tục thể hiện nét tích cực trong quý I năm 2018 với nhóm hàng thủy sản tăng trưởng mạnh nhất...



Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý 1/2018 của Bình Thuận ước đạt 85,08 triệu USD, tăng 9,55% so quý 1/2017. Trong đó nhóm hàng thủy sản có mức tăng trưởng mạnh nhất với kim ngạch 29,7 triệu USD (tăng 17,34% so cùng kỳ); tiếp đến nhóm hàng hóa khác có kim ngạch 52,19 triệu (tăng 10,85%). Riêng nhóm hàng nông sản kim ngạch chỉ đạt 3,19 triệu USD (giảm 39,5%).

Châu Á vẫn là thị trường xuất khẩu hàng hóa chủ yếu của Bình Thuận, với kim ngạch xuất khẩu trực tiếp là 49,3 triệu USD (tăng 2,05% so cùng kỳ). Trong đó thị trường Đông Á đạt 45,63 triệu USD (tăng 3,05%); thị trường Tây Á đạt 1,51 triệu USD (tăng 5,49%); thị trường Trung Nam Á 1,21 triệu USD (tăng gấp 4,5 lần). Riêng thị trường Đông Nam Á chỉ đạt 0,95 triệu USD (giảm 59%). Ở thị trường Châu Á kim ngạch tăng chủ yếu là các mặt hàng như cá tươi đông lạnh, bạch tuộc đông lạnh, tôm thẻ, sản phẩm may mặc...

Sau Châu Á thì Châu Mỹ là thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ 2 với 15,76 triệu USD (tăng 13,18% so cùng kỳ). Trong đó thị trường Bắc Mỹ đạt 11,65 triệu USD (tăng 1,86%); thị trường Trung Mỹ 3,81 triệu USD (tăng 55,6%); thị trường Nam Mỹ 0,3 triệu USD (tăng gấp 8 lần). Kim ngạch tăng ở thị trường này chủ yếu là các mặt hàng như đế giày, nguyên phụ liệu giày dép.

Xuất sang thị trường Châu Âu đạt 14,09 triệu USD (tăng 30,6% so cùng kỳ). Trong đó thị trường Tây Âu đạt 9,38 triệu USD (tăng gấp 2 lần); các mặt hàng tăng chủ yếu là tôm thẻ, tôm tươi đông lạnh, giày dép. Các thị trường khác ở Châu Âu đều có kim ngạch giảm như Bắc Âu (1,97 triệu USD, giảm 3,08%); Nam Âu (2,54 triệu USD, giảm 42,7%); Đông Âu (0,19 triệu USD, giảm 32%).

Riêng xuất khẩu ủy thác ước đạt 3,78 triệu USD, tăng 17,8% so cùng kỳ (chủ yếu tăng ở nhóm hàng may mặc).

Nhận định chung là xuất khẩu hàng hóa của tỉnh trong quý 1/2018 có tín hiệu khởi sắc, hứa hẹn nhiều thuận lợi cho cả năm 2018. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu đều tăng so cùng kỳ năm trước. Nhóm mặt hàng thủy sản tuy sản lượng giảm 3,6% nhưng giá trị xuất khẩu tăng 17,3%. Nhóm hàng nông sản giảm so cùng kỳ do mặt hàng cao su nhu cầu tiêu thụ đầu năm của khách hàng chưa nhiều; riêng mặt hàng trái thanh long tuy sản lượng giảm 13,3% nhưng giá trị xuất khẩu tăng trên 35%. Nhóm hàng hóa khác tăng ổn định với mức 10,85% so một số mặt hàng tăng mạnh như giày dép và nguyên phụ liệu dệt may, da giày.

Kết quả hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2017

Trong năm 2017, để đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, theo lĩnh vực được phân công, các Sở, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai khác.

Cụ thể: Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Kế hoạch số 486/KH-UBND ngày 15/02/2017 về nâng cao chất lượng dịch vụ trong hệ thống cơ sở lưu trú du lịch tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 15/02/2017 về việc thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 06/10/2016 của Tỉnh ủy Bình Thuận về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới; Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 quy định về mức chi hỗ trợ cho tổ chức, doanh nghiệp thuộc Chương trình “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016-2020”.



Đào tạo NSCL tại Công ty CP may Bình Thuận – Nhà Bè

Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Trung ương và của tỉnh, năm 2017, các Sở, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến như: đưa tin, bài; tổ chức hội nghị, tập huấn; ban hành các văn bản hướng dẫn,... Nổi bật như Sở Khoa học và Công nghệ phổ biến, thông báo bằng văn bản nội dung Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đến các Sở, ngành, địa phương; tổ chức 07 lớp tập huấn các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (ghi nhãn hàng

hóa, áp dụng mã số mã vạch) cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh (hàng đóng gói sẵn theo định lượng, kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, vàng trang sức, mỹ nghệ). Sở Y tế tổ chức 26 lớp tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm với 2.044 người tham dự; phát thanh : 2.167 lượt; Báo viết: 05 bài; Nói chuyện: 187 buổi/ 2580 người; Treo băng rôn: 656 cái; Áp phích : 5.120 cái; cấp phát đĩa VCD, CD: 1.049 cái; thực hiện 743 buổi tuyên truyền lưu động về các thông điệp an toàn thực phẩm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức 31 lớp tập huấn với 1.358 người tham dự, 02 hội thảo, xây dựng 09 phóng sự quảng bá chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, viết 17 tin bài đăng trên báo Bình Thuận, in 7.000 tờ rơi, treo 07 pano quảng bá chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn...

Về hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Tiếp nhận 02 hồ sơ công bố hợp chuẩn (sản phẩm cột điện bê tông cốt thép ly tâm, gạch bê tông tự chèn)

- Lĩnh vực y tế: Tiếp nhận 271 hồ sơ công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm và 47 hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm: nước uống đóng chai, sản phẩm thủy sản, nước mắm, nước chấm, nước tương....

- Lĩnh vực xây dựng: Tiếp nhận 27 công bố hợp quy về sản phẩm vật liệu xây dựng.

- Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT: Tiếp nhận 16 hồ sơ công bố hợp quy về sản phẩm phân bón, giống cây trồng, thức ăn chăn nuôi.

Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát

Trong năm 2017, các Sở, ngành và địa phương đã tiến hành thanh tra - kiểm tra 2.594 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh có liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hoá: xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện – điện tử, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm, thủy sản, sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông v.v... Qua kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 401 cơ sở, chiếm tỷ lệ 15,46% (kết quả kiểm tra của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông). Các hành vi vi phạm chủ yếu: chất lượng sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với mức chất lượng đã công bố theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định; chưa thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng; sử dụng phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm ngoài danh mục được phép sử dụng, v.v...

Kết quả thanh tra, kiểm tra cụ thể như sau:

Đơn vị triển khai	Số cơ sở thanh tra	Số cơ sở kiểm tra	Tỷ lệ cơ sở vi phạm (%)
Sở Nông nghiệp và PTNT	1.328	61	4,6
Sở Công Thương	696	264	37,9
Sở Y tế	362	56	15,5
Sở Khoa học và Công nghệ	144	12	8,3

Sở Xây dựng	5	4	80
Sở Thông tin và Truyền thông	59	4	6,8
Tổng cộng	2.594	401	15,4

+ Giám sát chất lượng hàng hóa

Song song với hoạt động thanh kiểm tra, công tác giám sát chất lượng hàng hóa trong năm cũng được các sở, ngành quan tâm triển khai:

Sở Nông nghiệp và PTNT lấy 241 mẫu thủy sản, nông sản để giám sát chất lượng, kết quả: 09 mẫu kiểm nghiệm không đạt (06 mẫu nhiễm CAP, 03 mẫu thịt nhiễm Salmonella); Kiểm soát giết mổ tại 11 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm do các địa phương quy hoạch và 17 điểm giết mổ nhỏ lẻ.

Sở Khoa học và Công nghệ lấy 122 mẫu xăng để giám sát chất lượng. Qua kết quả giám sát, đã tổ chức kiểm tra và xử lý theo quy định các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có mẫu xăng không đạt chất lượng.

Về hoạt động xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực phòng thử nghiệm trọng điểm của tỉnh

Trong năm 2017, để phục vụ tốt việc kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp tục đầu tư trang thiết bị, nghiên cứu chỉ tiêu thử nghiệm, kiểm định – hiệu chuẩn mới, duy trì hiệu lực hệ thống quản lý phòng thử nghiệm – hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, tổ chức đánh giá giám sát, mở rộng năng lực và được Bộ TN&MT chỉ định Trung tâm đủ điều kiện hoạt động quan trắc và phân tích môi trường; Duy trì chỉ định các phòng thử nghiệm chuyên ngành: phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng thử nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đầu tư cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật 01 phòng kiểm nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá mức độ gây hại của dịch hại, ruồi đục quả trên thanh long.

Về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia cho 04 tổ chức, doanh nghiệp với số tiền 128 triệu đồng; Hỗ trợ đào tạo kiến thức và kỹ năng thực hiện nâng cao năng suất chất lượng (5S, LEAN, ISO 9001:2015) cho 11 tổ chức, doanh nghiệp; Hỗ trợ 01 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia năm 2017.

Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông thủy sản áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, quảng bá chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn với tổng số tiền 622,4 triệu đồng.

Lĩnh vực công thương: hỗ trợ thực hiện 17 đề án khuyến công với tổng kinh phí hỗ trợ gần 2,06 tỷ đồng./.

Hoàng Tuấn

Hoạt động Quản lý Đo lường của Chi cục TCĐLCL Bình Thuận trong năm 2017 có những nét nổi bật đáng kể

Trong năm 2017, công tác quản lý đo lường của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận được nâng cao và có những nét nổi bật đáng kể, đã tăng cường được hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương, cũng như góp phần vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đảm bảo công bằng xã hội, văn minh thương mại, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Hoạt động quản lý đo lường của Chi cục đã có những điểm nhấn tích cực như sau:

Hoàn thành 100% nhiệm vụ của UBND tỉnh giao “Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp trong năm 2017”: Đã chủ trì tham mưu, triển khai kiểm tra 135 cơ sở, qua kiểm tra đã phát hiện nhiều trường hợp vi phạm về đo lường, chất lượng hàng hóa lưu thông thị trường và các quy định khác về công tác quản lý, đặc biệt đã tham mưu đề nghị xử lý vi phạm hành chính các trường hợp vi phạm nghiêm trọng, như: vi phạm về đo lường và chất lượng trong kinh doanh xăng dầu với tổng số tiền xử phạt là 295.696.600 đồng, đề nghị thực hiện biện pháp khắc phục 38.794 lít xăng các loại. Qua đó đã răn đe, chấn chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật về đo lường, chất lượng, nhất là lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Triển khai hoàn thành 100% các nhiệm vụ do Giám đốc Sở KHCN giao, gồm 2 nhiệm vụ:

- Tổ chức quản lý tốt hoạt động đo lường, chất lượng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Tổ chức 05 lớp tập huấn với hơn 289 lượt người tham dự. Tổ chức kiểm tra 46 cơ sở kinh doanh xăng dầu, phát hiện 08 cơ sở vi phạm về đo lường, chất lượng đề nghị xử phạt hành chính với số tiền 295.696.600 đồng.

- Phối hợp quản lý tốt hoạt động đo lường trong thương mại bán lẻ tại các huyện, thị xã, thành phố: Chi cục Ban hành Kế hoạch phối hợp quản lý hoạt động đo lường, chất lượng cấp huyện năm 2017 giữa Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Phòng Kinh tế & Hạ Tầng, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố (*Kế hoạch số 43/KH-CCTĐC ngày 03/3/2017*); Hướng dẫn triển khai công tác phối hợp quản lý hoạt động về đo lường, chất lượng cấp huyện (*Công văn số 182/CCTĐC-QLDL ngày 04/8/2017*); Kiểm định 152 cân các loại tại 06 chợ trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam, các địa phương khác không thực hiện; Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra 291 phương tiện đo (gồm: cột đo xăng dầu; cân ô tô; taximet; công tơ điện; cân kỹ thuật, cân phân tích). Kết quả, phát hiện 12 phương tiện đo không phù hợp theo quy định đo lường, trong đó: 01 cột đo xăng dầu có sai số +3,3% vượt quá giới hạn sai số cho phép kiểm định cột đo xăng dầu, bị xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 22.540.000 đồng, tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ xăng dầu 01 tháng; 11 taximet không phù hợp theo quy định đo lường, lập biên bản nhắc nhở và đề nghị kiểm định lại trước khi đưa vào sử dụng.

Triển khai, hướng dẫn đầy đủ và thường xuyên theo dõi, đôn đốc các huyện thực hiện các quy định về tổ chức hoạt động và xây dựng trạm cân đối chứng theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 của UBND tỉnh Bình Thuận. Kết quả, trong năm 2017 xây dựng mới, nâng cấp 09 trạm, đạt 180% kế hoạch (trong đó xây dựng mới 06

trạm, nâng cấp 03 trạm) nâng tổng số trạm cân trên địa bàn toàn tỉnh là 57 trạm để phục vụ người tiêu dùng.

Tổ chức kỷ niệm ngày Đo lường Việt Nam (20/01) với nhiều hình thức: Treo băng rôn tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các băng rôn trong những ngày được treo trên các tuyến đường chính; tuyên truyền hoạt động đo lường trên đài phát thanh thành phố; viết bài đưa tin website Chi cục về hoạt động đo lường. Qua đó, giúp người dân hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật về đo lường.

Bên cạnh đó, Chi cục tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh, Sở Công Thương, Chi cục Quản lý Thị trường đã thực hiện thanh- kiểm tra 14 cơ sở, phát hiện 2 trường hợp vi phạm về điều kiện kinh doanh xăng dầu, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 92.000.000 đồng.

Để công tác quản lý đo lường trong thời gian tới đạt hiệu quả cao hơn, Chi cục đã đưa ra một số phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2018:

Hoàn thành 100% chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2018 được phê duyệt. Phát hiện, tham mưu xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật các trường hợp vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời 100% các khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật.

Tiếp tục tổ chức quản lý tốt hoạt động đo lường, chất lượng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu; vàng và vàng trang sức-mỹ nghệ, khí dầu mỏ hóa lỏng; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách bằng xe taxi có sử dụng taximet...

Phối hợp với Phòng Kinh tế&Hạ tầng, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra phương tiện đo, phép đo trong thương mại bán lẻ tại các chợ đã xây dựng trạm cân đối chứng, trung tâm thương mại.

Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam (20/01) năm 2018. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và TBT với Chi cục TCĐLCL TP.Hồ Chí Minh.

Nhân ngày 20/01/2018 sắp đến, kỷ niệm 68 năm ngày Bác Hồ ký Sắc lệnh số 08/SL về Đo lường và ngày truyền thống của ngành Đo lường Việt Nam (20/01). Với lòng biết ơn đối với Bác Hồ, tập thể công chức, viên chức, người lao động Chi cục TC-ĐL-CL Bình Thuận phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, xây dựng và phát triển đo lường hiện đại, ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận về đo lường và chất lượng để góp phần đem lại sự công bằng văn minh trong thương mại, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng cùng với những người kinh doanh chân chính./.

Thiên Hòa

Thiết bị điện và điện tử

Ngày 08/2/2018, EU thông báo cho các nước thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo xây dựng mẫu đăng ký và báo cáo cho nhà sản xuất các thiết bị điện và điện tử để báo cáo lên cơ quan đăng ký.



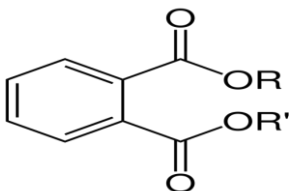
Mục đích của Dự thảo nhằm hài hoà các quy tắc và thủ tục được áp dụng ở cấp tiểu Bang. Thời gian dự kiến thông qua vào tháng 6 năm 2018. Thời gian dự kiến có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố trên Tạp chí chính thức của EU. Hạn cuối cùng để các nước thành tham gia góp ý kiến vào 09/4/2018. Thông tin chi tiết của Dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/EEC/18_0785_01_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/541

Phthalates

Ngày 05/2/2018, Hoa Kỳ thông báo cho các nước thành viên WTO về việc sửa đổi đối với Dự thảo quy định Cấm đồ chơi trẻ em và các sản phẩm chăm sóc trẻ em chứa Phthalates mã thông báo G/TBT/N/USA/1186.



Cụ thể, vào ngày 30 tháng 8 năm 2017, Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng ban hành một quy tắc để xác định một số chất dẻo và chất phụ gia không chứa chất phthalate mà Đạo luật Cải thiện An toàn Sản phẩm Tiêu dùng năm 2008 (CPSIA)

cấm sử dụng trong đồ chơi trẻ em và các sản phẩm chăm sóc trẻ em.

Sau đó, Ủy ban ban hành một quy tắc loại bỏ một số chất phthalates khỏi danh sách cấm và bổ sung thêm các chất khác.

Lần sửa đổi này sẽ thay đổi nguyên tắc xác định các chất phthalates bị cấm sử dụng trong đồ chơi trẻ em và các sản phẩm chăm sóc trẻ em.

Thông tin chi tiết của Dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/USA/18_0677_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/USA/1186/Rev.1

Dầu tái sinh

Ngày 09/1/2018, Hoa Kỳ thông báo cho các nước thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Quy trình thử nghiệm và tiêu chuẩn ghi nhãn đối với dầu tái sinh.



Ủy ban thương mại liên bang Hoa Kỳ (FTC) đề nghị mọi người đưa ra ý kiến về chi phí, lợi ích và những ảnh hưởng về mặt pháp lý và kinh tế của Dự thảo này như một phần của việc xem xét có hệ thống các quy định của FTC.

Hạn cuối cùng để các nước thành viên tham gia góp ý vào ngày 12/2/2018.

Hiện tại Hoa Kỳ chưa xác định thời gian dự kiến thông qua và thời gian dự kiến có hiệu lực.

Thông tin chi tiết của Dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/USA/18_0171_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/USA/1326

Ghi nhãn thực phẩm

Ngày 9/1/2018, Trung Quốc đã gửi thông báo về Dự thảo sửa đổi Biện pháp kiểm tra và giám sát ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn

xuất nhập khẩu để các nước Thành viên WTO đóng góp ý kiến.



Nhà nhập khẩu hoặc nhà sản xuất nước ngoài của sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn nhập khẩu phải đảm bảo nhãn của sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn xuất khẩu sang Trung Quốc tuân thủ các quy định theo luật và các tiêu chuẩn quốc gia Trung Quốc về an toàn thực phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung của nhãn.

Nhãn của sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn sẽ được kiểm tra tại cửa khẩu.

Những sản phẩm không tuân thủ quy định sẽ không được nhập khẩu.

Dự thảo dự kiến sẽ được thông qua và bắt đầu áp dụng từ ngày 01/10/2018, thời hạn cho các nước Thành viên WTO đóng góp ý kiến là hết ngày 10/3/2018.

Toàn văn dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/CHN/18_0188_0_x.pdf

Mã thông báo G/TBT/N/CHN/1246

Ghi nhãn thực phẩm

Thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa theo Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của Tổ chức thương mại thế giới WTO, Liên Minh Châu Âu(EU) đã gửi dự thảo Cảnh báo đối với Quy định thực thi của EU về việc biểu thị tên nước xuất xứ của thành phần chính của thực phẩm..

Ngày 12/01/2018 Liên Minh Châu Âu(EU) đã gửi thông báo về Quy định thực thi đưa ra các quy tắc áp dụng Điều 26(3) của Quy định(EU) số 1162/2011 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về quy định cung cấp thông tin của thực phẩm cho người tiêu dùng như quy định cung cấp thông tin về xuất xứ của thực phẩm hoặc thành phần chính của thực phẩm(mã G/TBT/N/EU/534)

để các nước Thành viên WTO đóng góp ý kiến.

Dự thảo dự kiến được ban hành vào quý II năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2019.

Cây giống

Ngày 09/1/2018, Hoa Kỳ thông báo cho các nước thành viên WTO về việc bổ sung đối với Dự thảo quy định về sử dụng thuốc trừ sâu đối với cây giống mã thông báo G/TBT/N/USA/1234.



Cụ thể, sẽ thông qua những thay đổi khác nhau có liên quan đến quy định này.

Thông tin chi tiết của Dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/USA/18_0184_01_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/USA/1234/Add.2

Thực phẩm

Ngày 12/1/2018, EU thông báo cho các nước thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Quy định thực hiện Điều 26 (3) của Quy định (EU) số 1169/2011 liên quan đến cung cấp thông tin về nguồn gốc xuất xứ thành phần chính của thực phẩm cho người tiêu dùng.

Dự thảo này đưa ra các định nghĩa và phương thức để xác định nguồn gốc xuất xứ thành phần chính của thực phẩm. Mục đích của Dự thảo nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

Thời gian dự kiến thông qua vào quý 2 năm 2018.

Thời gian dự kiến có hiệu lực vào 01/4/2019. Hạn cuối cùng để các nước thành tham gia góp ý kiến vào 13/3/2018.

Thông tin chi tiết của Dự thảo xem tại: https://members.wto.org/crnattachments/2018/TBT/EEC/18_0334_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/534

DANH MỤC THÔNG BÁO TBT CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG QUÝ I/2018

STT	Số TB	Ngày TB	Nước TB	Sản phẩm/ Vấn đề TB
Từ ngày 01/02 đến 15/02/2018				
1	G/TBT/N/BRA/789	08/02/2018	Brazil	Bộ điện thoại cho mạng di động và mạng không dây
2	G/TBT/N/CAN/542	05/02/2018	Canada	Thông tin vô tuyến (ICS 33.060)
3	G/TBT/N/CAN/543	13/02/2018	Canada	Các sản phẩm đóng gói sẵn (ICS: 67.040, 67.230)
4	G/TBT/N/HKG/50	08/02/2018	Hồng Kong, Trung Quốc	Nhà vệ sinh (ICS 91.140.70)
5	G/TBT/N/EU/538	01/02/2018	EU	Công nghệ hóa học
6	G/TBT/N/EU/539	08/02/2018	EU	Thực phẩm (ICS 67.040)
7	G/TBT/N/EU/540	08/02/2018	EU	Thực phẩm (ICS 67.040)
8	G/TBT/N/EU/541	08/02/2018	EU	Thiết bị điện và điện tử
9	G/TBT/N/ESP/37	06/02/2018	Tây Ban Nha	Chăn nuôi gia súc (ICS 65.020.30)
10	G/TBT/N/GTM/95	14/02/2018	Guatemala	Sữa và sản phẩm sữa. Quy định chung (ICS 67.100.01)
11	G/TBT/N/KEN/634	01/02/2018	Kenya	Dầu thực vật (ICS: 67.200.10)
12	G/TBT/N/KEN/635	14/02/2018	Kenya	Sữa và sản phẩm sữa chế biến (ICS 67.100.10)
13	G/TBT/N/KEN/636	14/02/2018	Kenya	Bơ (ICS 67.100.30)
14	G/TBT/N/KEN/637	14/02/2018	Kenya	Bơ (ICS 67.100.30)
15	G/TBT/N/KEN/638	14/02/2018	Kenya	Sữa và sản phẩm sữa chế biến (ICS 67.100.10)
16	G/TBT/N/KEN/639	14/02/2018	Kenya	Kem và kẹo có nhân kem (ICS 67.100.40)
17	G/TBT/N/KEN/640	14/02/2018	Kenya	Sữa và sản phẩm sữa chế biến (ICS 67.100.10)
18	G/TBT/N/LBR/1	14/02/2018	Liberia	Trà; Cà phê, các chất thay thế cà phê; Cacao
19	G/TBT/N/LTU/31	08/02/2018	Lithuania	Sản phẩm xây dựng
20	G/TBT/N/MEX/390	06/02/2018	Mexico	Sữa chua (ICS 67.100.10)
21	G/TBT/N/MEX/391	06/02/2018	Mexico	Sữa bột/ Sữa khô (ICS 67.100.10)
22	G/TBT/N/MEX/392	08/02/2018	Mexico	Thiết bị gây tê, hô hấp và hồi phục (ICS 11.040.10)

23	G/TBT/N/MEX/393	08/02/2018	Mexico	Thuốc trong phòng thí nghiệm (ICS11.100)
24	G/TBT/N/MEX/394	13/02/2018	Mexico	Máy bay và không gian xe nói chung (ICS 49.020)
25	G/TBT/N/MOZ/13	06/02/2018	Mozambique	Phòng chống hàng nguy hiểm ICS 13.300
26	G/TBT/N/OMN/343	01/02/2018	Oman	Yêu cầu an toàn đối với xe điện (ICS 43.120)
27	G/TBT/N/PAN/95	01/02/2018	Panama	Đồ uống (ICS 67.160)
28	G/TBT/N/PHL/202	06/02/2018	Philippines	Đèn và thiết bị liên quan (ICS 29.140)
29	G/TBT/N/SAU/1039	14/02/2018	Vương quốc Ả Rập Saudi	Công nghệ năng lượng mặt trời (ICS 27.160)
30	G/TBT/N/TPKM/315	01/02/2018	Đài Loan	Thuốc chữa bệnh (ICS 11.120.10)
31	G/TBT/N/TZA/128	05/02/2018	Tanzania	Gia cầm và trứng (ICS 67.120.20)
32	G/TBT/N/TZA/129	05/02/2018	Tanzania	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
33	G/TBT/N/TZA/130	05/02/2018	Tanzania	Gia cầm và trứng (ICS 67.120.20)
34	G/TBT/N/TZA/131	05/02/2018	Tanzania	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
35	G/TBT/N/TZA/132	05/02/2018	Tanzania	Gia cầm và trứng (ICS 67.120.20)
36	G/TBT/N/TZA/133	05/02/2018	Tanzania	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
37	G/TBT/N/TZA/134	05/02/2018	Tanzania	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
38	G/TBT/N/TZA/135	05/02/2018	Tanzania	Gia cầm và trứng (ICS 67.120.20)
39	G/TBT/N/UGA/808	05/02/2018	Uganda	Bột baking (ICS 67.220.20)
40	G/TBT/N/UGA/809	05/02/2018	Uganda	Saccharin (ICS 67.220.20)
41	G/TBT/N/UGA/810	05/02/2018	Uganda	Aspartame (ICS 67.220.20)
42	G/TBT/N/GBR/29	01/02/2018	Vương quốc Anh	Mỹ phẩm và đồ dùng trong phòng tắm (ICS 71.100.70)
43	G/TBT/N/GBR/30	05/02/2018	Vương quốc Anh	Mỹ phẩm và đồ dùng trong phòng tắm (ICS 71.100.70)
44	G/TBT/N/USA/1335	05/02/2018	Hoa Kỳ	Nhiên liệu động cơ (ICS 19.020)
45	G/TBT/N/USA/1336	05/02/2018	Hoa Kỳ	Hiệu quả năng lượng
46	G/TBT/N/USA/1337	05/02/2018	Hoa Kỳ	Nguồn phát thải khí

47	G/TBT/N/USA/1338	05/02/2018	Hoa Kỳ	Súng lục và súng an toàn
48	G/TBT/N/USA/1339	12/02/2018	Hoa Kỳ	Oxazolidine, 3,3'-methylenebis[5-methyl-(ICS 13.020; 71.100)
Từ ngày 01/01 đến 15/01/2018				
1	G/TBT/N/AUS/106	05/01/2018	Australia	Sinh học; Thực vật học; Động vật học (ICS 07.080)
2	G/TBT/N/BRA/769	05/01/2018	Brazil	Thuốc lá, sản phẩm thuốc lá và các bị liên quan (ICS 65.160)
3	G/TBT/N/BRA/770	05/01/2018	Brazil	Dược phẩm (ICS 11.120)
4	G/TBT/N/BRA/771	08/01/2018	Brazil	Rau quả (ICS 67.080)
5	G/TBT/N/BRA/772	08/01/2018	Brazil	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (ICS 67.120.30)
6	G/TBT/N/BRA/773	08/01/2018	Brazil	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
7	G/TBT/N/BRA/774	08/01/2018	Brazil	Thuốc chữa bệnh (ICS 11.120.10)
8	G/TBT/N/BRA/775	08/01/2018	Brazil	Thuốc trừ cỏ
9	G/TBT/N/BRA/776	09/01/2018	Brazil	ICS 11.020
10	G/TBT/N/BRA/777	11/01/2018	Brazil	Thuốc đặc hiệu (ICS 11.120.10)
11	G/TBT/N/BRA/778	11/01/2018	Brazil	Hàng hóa và sản phẩm (ICS 03.120.10)
12	G/TBT/N/BRA/779	11/01/2018	Brazil	Thực phẩm (ICS 67.040)
13	G/TBT/N/BRA/780	11/01/2018	Brazil	Dược phẩm (ICS 11.120.10)
14	G/TBT/N/BRA/781	11/01/2018	Brazil	Thực phẩm (ICS 67.040)
15	G/TBT/N/BRA/782	11/01/2018	Brazil	Dược phẩm (ICS 11.120.10)
16	G/TBT/N/BRA/783	11/01/2018	Brazil	Dược phẩm (ICS 11.120.10)
17	G/TBT/N/BRA/784	12/01/2018	Brazil	Dược phẩm (ICS 11.120.10)
18	G/TBT/N/CAN/539	11/01/2018	Canada	Thuốc và thiết bị y tế (ICS: 11.120; 11.040)
19	G/TBT/N/CAN/540	11/01/2018	Canada	Thông tin vô tuyến (ICS 33.060)
20	G/TBT/N/CHL/428	04/01/2018	Chi Lê	Thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nông nghiệp khác (ICS 65.100)
21	G/TBT/N/CHL/429	05/01/2018	Chi Lê	Vữa (ICS 91.100.10)
22	G/TBT/N/CHL/430	05/01/2018	Chi Lê	Sản phẩm nhôm (ICS 77.150.10)
23	G/TBT/N/CHL/431	05/01/2018	Chi Lê	Ống thông gió (ICS 13.220)
24	G/TBT/N/CHL/432	05/01/2018	Chi Lê	Thủy tinh (ICS 81.040)

25	G/TBT/N/CHL/433	08/01/2018	Chi Lê	Thủy tinh (ICS 81.040)
26	G/TBT/N/CHL/434	08/01/2018	Chi Lê	Phòng cháy (ICS 13.220)
27	G/TBT/N/CHN/1246	09/01/2018	Trung Quốc	Thực phẩm
28	G/TBT/N/EGY/169	10/01/2018	Ai Cập	Gỗ, gỗ khúc và gỗ xẻ (ICS 79.040)
29	G/TBT/N/EGY/170	10/01/2018	Ai Cập	Dãy bếp, bàn để làm thức ăn, lò và các dụng cụ tương tự (ICS: 97.040.20)
30	G/TBT/N/EGY/171	10/01/2018	Ai Cập	Phụ kiện xây dựng (ICS 91.190)
31	G/TBT/N/EGY/172	11/01/2018	Ai Cập	Động cơ đốt trong (ICS: 27.020)
32	G/TBT/N/EGY/173	10/01/2018	Ai Cập	Thiết bị lau chùi (ICS: 97.080)
33	G/TBT/N/EGY/174	10/01/2018	Ai Cập	Sản phẩm sắt và thép (ICS 77.140)
34	G/TBT/N/EGY/175	10/01/2018	Ai Cập	Dầu mỡ động vật và thực vật (ICS 67.200.10)
35	G/TBT/N/EGY/176	11/01/2018	Ai Cập	Sữa và sản phẩm sữa (ICS 67.100.10)
36	G/TBT/N/EGY/177	10/01/2018	Ai Cập	Thiết bị truyền máu, truyền dịch và tiêm (ICS 11.040.20)
37	G/TBT/N/EGY/178	11/01/2018	Ai Cập	Thiết bị điện gia dụng (ICS 97.030)
38	G/TBT/N/EU/530	05/01/2018	EU	Sản phẩm bioxit
39	G/TBT/N/EU/531	05/01/2018	EU	Sản phẩm bioxit
40	G/TBT/N/EU/532	05/01/2018	EU	Sản phẩm bioxit
41	G/TBT/N/EU/533	05/01/2018	EU	Sản phẩm bioxit
42	G/TBT/N/EU/534	12/01/2018	EU	Thực phẩm (ICS 67.040)
43	G/TBT/N/ISR/997	05/01/2018	Israel	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm từ ngũ cốc và đậu đỗ (ICS 67.060)
44	G/TBT/N/JPN/576	08/01/2018	Nhật Bản	Phương tiện giao thông đường bộ (ICS 43.020)
45	G/TBT/N/JPN/577	08/01/2018	Nhật Bản	Chất Amiăng
46	G/TBT/N/JPN/578	09/01/2018	Nhật Bản	Phương tiện giao thông đường bộ (ICS 43.020)
47	G/TBT/N/JPN/579	09/01/2018	Nhật Bản	Thuốc chữa bệnh (ICS 11.120.10)
48	G/TBT/N/JPN/580	10/01/2018	Nhật Bản	Thực phẩm (ICS 67.040)
49	G/TBT/N/JPN/581	10/01/2018	Nhật Bản	Chăn nuôi hữu cơ và các sản

				phẩm chăn nuôi hữu cơ
50	G/TBT/N/KEN/601	11/01/2018	Kenya	Vật liệu cách điện (ICS 29.035.01)
51	G/TBT/N/KEN/602	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
52	G/TBT/N/KEN/603	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
53	G/TBT/N/KEN/604	11/01/2018	Kenya	Chăn nuôi gia súc (ICS 65.020.30)
54	G/TBT/N/KEN/605	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
55	G/TBT/N/KEN/606	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
56	G/TBT/N/KEN/607	11/01/2018	Kenya	Gia vị (ICS 67.220.10)
57	G/TBT/N/KEN/608	11/01/2018	Kenya	Gia vị (ICS 67.220.10)
58	G/TBT/N/KEN/609	11/01/2018	Kenya	Gia vị (ICS 67.220.10)
59	G/TBT/N/KEN/610	11/01/2018	Kenya	Gia vị (ICS 67.220.10)
60	G/TBT/N/KEN/611	11/01/2018	Kenya	Gia vị (ICS 67.220.10)
61	G/TBT/N/KEN/612	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
62	G/TBT/N/KEN/613	11/01/2018	Kenya	Thịt, sản phẩm thịt và sản phẩm từ động vật khác (ICS 67.120)
63	G/TBT/N/KEN/614	11/01/2018	Kenya	Cây ghép trong phẫu thuật, bộ phận giả và dụng cụ chỉnh hình (ICS 11.040.40)
64	G/TBT/N/KEN/615	11/01/2018	Kenya	Thiết bị và máy móc đường bộ (ICS 93.080.30)
65	G/TBT/N/KEN/616	11/01/2018	Kenya	Thiết bị và máy móc đường bộ (ICS 93.080.30)
66	G/TBT/N/KEN/617	11/01/2018	Kenya	Thiết bị và máy móc đường bộ (ICS 93.080.30)
67	G/TBT/N/KEN/618	11/01/2018	Kenya	Thiết bị và máy móc đường bộ (ICS 93.080.30)
68	G/TBT/N/KEN/619	11/01/2018	Kenya	Thiết bị và máy móc đường bộ (ICS 93.080.30)
69	G/TBT/N/KEN/620	11/01/2018	Kenya	Cây ghép trong phẫu thuật, bộ phận giả và dụng cụ

				chính hình (ICS 11.040.40)
70	G/TBT/N/KEN/621	11/01/2018	Kenya	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm từ ngũ cốc và đậu đỗ (ICS 67.060)
71	G/TBT/N/KEN/622	11/01/2018	Kenya	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm từ ngũ cốc và đậu đỗ (ICS 67.060)
72	G/TBT/N/KEN/623	11/01/2018	Kenya	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
73	G/TBT/N/KEN/624	11/01/2018	Kenya	Các quá trình chế biến trong công nghệ thực phẩm (ICS 67.020)
74	G/TBT/N/KEN/625	11/01/2018	Kenya	Cây ghép trong phẫu thuật, bộ phận giả và dụng cụ chính hình (ICS 11.040.40)
75	G/TBT/N/KOR/746	09/01/2018	Hàn Quốc	ICS 11.180.20
76	G/TBT/N/KOR/747	09/01/2018	Hàn Quốc	Mỹ phẩm
77	G/TBT/N/KOR/748	09/01/2018	Hàn Quốc	Xe cơ giới
78	G/TBT/N/KOR/749	11/01/2018	Hàn Quốc	Thiết bị gia dụng
79	G/TBT/N/MEX/385	04/01/2018	Mexico	Thiết bị điện tử và các phụ kiện liên quan
80	G/TBT/N/MEX/386	04/01/2018	Mexico	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
81	G/TBT/N/MEX/387	04/01/2018	Mexico	Máy thông gió. Quạt. Máy điều hòa không khí
82	G/TBT/N/MEX/388	10/01/2018	Mexico	Dụng cụ đo khí đốt tự nhiên và khí đốt hoá lỏng (LPG)
83	G/TBT/N/NZL/79	05/01/2018	New Zealand	Thiết bị làm lạnh thương mại (ICS 97.130.20)
84	G/TBT/N/NZL/80	05/01/2018	New Zealand	Thiết bị làm lạnh gia dụng (ICS 97.040.30)
85	G/TBT/N/OMN/340	05/01/2018	Oman	Phương tiện giao thông đường bộ
86	G/TBT/N/OMN/341	05/01/2018	Oman	Phương tiện giao thông đường bộ
87	G/TBT/N/PER/98	05/01/2018	Peru	Trang trại và lâm nghiệp (ICS 65.020)
88	G/TBT/N/RWA/79	08/01/2018	Rwanda	Sản phẩm giấy (ICS 85.080)
89	G/TBT/N/RWA/80	08/01/2018	Rwanda	Vải dệt (ICS 59.080.30)
90	G/TBT/N/RWA/81	08/01/2018	Rwanda	Sản phẩm giấy (ICS 85.080)
91	G/TBT/N/RWA/82	08/01/2018	Rwanda	Vải dệt (ICS 59.080.30)
92	G/TBT/N/RWA/83	08/01/2018	Rwanda	Vật liệu xây dựng (ICS 91.100)

93	G/TBT/N/RWA/84	08/01/2018	Rwanda	Rau, quả và sản phẩm từ rau, quả (ICS 67.080.01)
94	G/TBT/N/RWA/85	08/01/2018	Rwanda	Dầu mỡ động vật và thực vật (ICS 67.200.10)
95	G/TBT/N/RWA/86	09/01/2018	Rwanda	Đường và sản phẩm đường (ICS 67.180.10)
96	G/TBT/N/RWA/87	09/01/2018	Rwanda	Các tiêu chuẩn liên quan đến chất thải (ICS 13.030.99)
97	G/TBT/N/RWA/88	09/01/2018	Rwanda	Các tiêu chuẩn liên quan đến chất thải (ICS 13.030.99)
98	G/TBT/N/RWA/89	09/01/2018	Rwanda	Dầu mỡ động vật và thực vật (ICS 67.200.10)
99	G/TBT/N/RWA/90	09/01/2018	Rwanda	Đồ đạc (ICS 97.140)
100	G/TBT/N/RWA/91	09/01/2018	Rwanda	Đồ đạc (ICS 97.140)
101	G/TBT/N/RWA/92	09/01/2018	Rwanda	Đồ đạc (ICS 97.140)
102	G/TBT/N/RWA/93	09/01/2018	Rwanda	Rau, quả và sản phẩm từ rau, quả (ICS 67.080.01)
103	G/TBT/N/RWA/94	09/01/2018	Rwanda	Gia vị (ICS 67.220.10)
104	G/TBT/N/RWA/95	10/01/2018	Rwanda	Gia vị (ICS 67.220.10)
105	G/TBT/N/RWA/96	10/01/2018	Rwanda	Sản phẩm của công nghệ hóa chất (ICS 71.100)
106	G/TBT/N/RWA/97	10/01/2018	Rwanda	Nhiên liệu (ICS 75.160)
107	G/TBT/N/RWA/98	10/01/2018	Rwanda	Sản phẩm của công nghệ hóa chất (ICS 71.100)
108	G/TBT/N/RWA/99	10/01/2018	Rwanda	Đồ uống không cồn (ICS 67.160.20)
109	G/TBT/N/RWA/100	10/01/2018	Rwanda	Đồ uống không cồn (ICS 67.160.20)
110	G/TBT/N/RWA/101	10/01/2018	Rwanda	Thịt và sản phẩm thịt (ICS 67.120.10)
111	G/TBT/N/RWA/102	10/01/2018	Rwanda	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (ICS 67.120.30)
112	G/TBT/N/RWA/103	10/01/2018	Rwanda	Sữa và sản phẩm sữa (ICS 67.100.10)
113	G/TBT/N/RWA/104	10/01/2018	Rwanda	Phomat (ICS 67.100.30)
114	G/TBT/N/RWA/105	10/01/2018	Rwanda	Bơ (ICS 67.100.20)
115	G/TBT/N/RWA/106	11/01/2018	Rwanda	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm từ ngũ cốc và đậu đỗ (ICS 67.060)
116	G/TBT/N/RWA/107	11/01/2018	Rwanda	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm từ ngũ cốc và đậu đỗ

				(ICS 67.060)
117	G/TBT/N/SEN/10	11/01/2018	Senegal	Gia vị (ICS 67.220.10)
118	G/TBT/N/SVN/102	11/01/2018	Slovenia	Chất lượng sản phẩm thực phẩm
119	G/TBT/N/SAU/1038	05/01/2018	Vương quốc Ả Rập Saudi	Thiết bị bảo vệ (ICS 13.340)
120	G/TBT/N/TPKM/313	15/01/2018	Đài Loan	Quạt thông gió; Tủ hút (điện áp danh định không vượt quá 250V AC)(ICS 97.040.20)
121	G/TBT/N/THA/505	09/01/2018	Thái Lan	Điện thoại di động, phụ kiện máy tính bảng
122	G/TBT/N/THA/506	09/01/2018	Thái Lan	Thành phẩm và bán thành phẩm thép tấm(ICS 77.140.50)
123	G/TBT/N/TZA/126	08/01/2018	Tanzania	Sơ cứu (ICS 11.160)
124	G/TBT/N/TZA/127	08/01/2018	Tanzania	Sản phẩm giấy (ICS 85.080.01)
125	G/TBT/N/UGA/803	05/01/2018	Uganda	Thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nông nghiệp khác
126	G/TBT/N/UGA/804	10/01/2018	Uganda	Đánh bắt và nuôi thủy sản (ICS 65.150)
127	G/TBT/N/UGA/805	10/01/2018	Uganda	Sữa và sản phẩm sữa (ICS 67.100)
128	G/TBT/N/UKR/131	08/01/2018	Ukraine	Đường và sản phẩm đường (ICS 67.180)
129	G/TBT/N/UKR/132	09/01/2018	Ukraine	ICS 01.080.10; 01.080.20
130	G/TBT/N/UKR/133	10/01/2018	Ukraine	Thiết bị điện và điện tử
131	G/TBT/N/USA/1326	09/01/2018	Hoa Kỳ	Dầu tái sinh
132	G/TBT/N/USA/1327	09/01/2018	Hoa Kỳ	Gia súc và gia cầm hữu cơ
133	G/TBT/N/USA/1328	09/01/2018	Hoa Kỳ	Súng máy, các vũ khí tương tự
134	G/TBT/N/USA/1329	09/01/2018	Hoa Kỳ	Đèn
135	G/TBT/N/USA/1330	09/01/2018	Hoa Kỳ	Dầu thực vật từ ngũ cốc
136	G/TBT/N/USA/1331	11/01/2018	Hoa Kỳ	Kế hoạch hóa gia đình. Tránh thai cơ học (ICS 11.200)
137	G/TBT/N/USA/1332	11/01/2018	Hoa Kỳ	Đơn vị tạo điện (EGUs)
138	G/TBT/N/USA/1333	15/01/2018	Hoa Kỳ	Phát thải khí nhà kính (ICS 13.040; 43.080)

Kết quả hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng Quý I năm 2018

Thực hiện Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt nhiệm vụ chủ yếu năm 2018 của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; theo đó, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận (Chi cục) đã tham mưu Sở Khoa học & Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ thực hiện trong năm 2018 và trong quý I năm 2018, Chi cục đã triển khai, đạt được một số kết quả nổi bật:

Chi cục đã tham mưu và được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Thuận năm 2018 (*Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 20/01/2018*).

Báo cáo kết quả triển khai xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ triển khai năm 2018; báo cáo tình hình công tác thanh tra, kiểm tra về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh năm 2017.

Văn bản góp ý báo cáo kết quả thực hiện Đề án “Tăng cường công tác quản lý thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”; góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng chính phủ về Đề án tổng thể triển khai, áp dụng và quản lý tem truy xuất nguồn gốc gửi UBND tỉnh.

Về công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng

Chi cục thực hiện báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh năm 2017 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; báo cáo tình hình hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2017 và phương hướng triển khai năm 2018.

Công văn góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng chính phủ về Đề án tổng thể triển khai, áp dụng và quản lý tem truy xuất nguồn gốc gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; góp ý dự thảo Kế hoạch tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tham gia các Đoàn kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

Về công tác quản lý đo lường

Đã triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm Ngày Đo lường Việt Nam (20/01); trả lời Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu khí Vũng Tàu tại Bình Thuận về việc triển khai bán xăng RON 95-III; đề xuất triển khai một số nhiệm vụ liên quan đến công tác thanh tra KHCN năm 2018; hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thực hiện các quy định về đo lường, chất lượng.

Báo cáo đánh giá tình hình triển khai xây dựng và tổ chức hoạt động trạm cân đối chứng trên địa bàn tỉnh năm 2017; kết quả thực hiện Kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và TBT giữa Chi cục TCĐLCL Bình Thuận và Chi cục TCĐLCL TP.Hồ Chí Minh trong năm 2017; tình hình và kết quả kiểm tra hàng hóa Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; báo cáo tình hình và kết quả phối hợp quản lý hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cấp huyện năm 2017.

Tổ chức triển khai công tác kiểm định đối chứng công tơ điện trên địa bàn tỉnh năm 2018, theo đó Công ty Điện lực Bình Thuận gửi Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm định với số lượng 15% tổng số công tơ điện kiểm định định kỳ năm 2018 (cụ thể là 5.415 chiếc công tơ điện các loại).

Về công tác thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT).

Chọn lọc, dịch thông báo TBT của các nước thành viên WTO gửi đến Sở, ngành và doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh, gồm 15 tin về sản phẩm, hàng hóa: thực phẩm, hàng điện tử gia dụng, đồ chơi trẻ em của các thị trường Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc,... Đã biên tập, cập nhật 33 tin, bài về hoạt động quản lý của Chi cục và thông tin có liên quan. Thực hiện Bản tin TBT số 01/2018; ban hành Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT Chi cục năm 2018.

Đối với công tác kiểm tra

Chi cục tổ chức kiểm tra 18 cơ sở (08 cơ sở kinh doanh xăng dầu, 06 cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, 04 cơ sở kinh doanh thiết bị điện- điện tử), lấy 01 mẫu xăng E5 RON 92-II và 01 mẫu xăng RON 95-III để thử nghiệm chất lượng. Phát hiện 02 cơ sở vi phạm về đo lường: 01 cơ sở sử dụng 02 cột đo xăng dầu có chứng chỉ kiểm định hết hiệu lực, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 20.000.000 đồng và 01 cơ sở sử dụng 01 cột đo xăng dầu có sai số +0,7% vượt quá giới hạn sai số cho phép, Đoàn kiểm tra đã đề nghị ngừng sử dụng và thực hiện khắc phục theo thời gian quy định. Đến nay các cơ sở vi phạm đã thực hiện khắc phục trong thời gian quy định; cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đã chấp hành đầy đủ quyết định xử phạt.

Bên cạnh đó, Chi cục đã tham gia Đoàn kiểm tra hoạt động kinh doanh xăng dầu, LPG trên địa bàn toàn tỉnh do BCĐ 389 tỉnh chủ trì. Kiểm tra 04 cơ sở kinh doanh xăng dầu, kết quả phát hiện 03 cơ sở kinh doanh xăng dầu vi phạm về điều kiện kinh doanh xăng dầu, xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 140.500.000 đồng.

Về công tác nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Tham mưu UBND tỉnh ý kiến hiệp y đối với doanh nghiệp được đề nghị tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2017 gửi Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2018.

Gửi thông báo mời doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2018, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2018.

Về hoạt động quản lý ISO hành chính công.

Chi cục triển khai nhiệm vụ mở rộng việc xây dựng và áp dụng HTQLCL đến UBND cấp xã: đề nghị UBND các huyện: Đức Linh, Tân Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam lựa chọn, đề xuất danh sách UBND cấp xã thực hiện xây dựng và áp dụng HTQLCL từ năm 2018.

Triển khai Dự án ISO điện tử giai đoạn 2018-2020: Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Lãnh đạo Sở lựa chọn đơn vị tư vấn lập Dự án triển khai ISO điện tử là Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Bình Thuận; Phối hợp với đơn vị tư vấn lập Dự án triển khai ISO điện tử tổ chức khảo sát, thu thập thông tin các đơn vị phục vụ lập Báo cáo đầu tư Dự án.

Hoạt động của Trung tâm kỹ thuật TC-ĐL-CL.

Tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động năm 2018; trực SSCĐ bảo vệ cơ quan Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018; ban hành quyết định về quy định giá thỏa thuận thực hiện hoạt động dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

Được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP tại văn bản số 63/TĐC-HCHQ ngày 09/01/2018.

Phối hợp với Cục thuế tỉnh Bình Thuận triển khai thực hiện dán tem niêm phong công tơ tổng các cột đo xăng dầu trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn xây dựng tài liệu và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 tại 10 phường, xã.

Hoạt động sự nghiệp: Thử nghiệm 329 mẫu với 2.177 chỉ tiêu phân tích; kiểm định 2.664 lượt phương tiện đo; thu sự nghiệp đạt 660.000.000 đồng.

Phát huy kết quả đạt được trong quý I năm 2018, Chi cục tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng tiếp theo, cụ thể:

- Chi cục tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình nâng suất chất lượng năm 2018; tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng suất chất lượng cho doanh nghiệp;

- Phối hợp đơn vị tư vấn lập Dự án triển khai ISO điện tử, trình UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch của Sở lựa chọn đơn vị cung cấp, thực hiện phần mềm ISO điện tử;

- Tiến hành kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL trong cơ quan hành chính tỉnh năm 2018 theo kế hoạch; tổ chức 01 lớp tập huấn duy trì, áp dụng, cải tiến trì HTQLCL cho các Sở ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Quyết định số 176/QĐ-SKHCHN ngày 06/12/2017 của Giám đốc Sở KH&CN; tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng do BCD 389 tỉnh chủ trì; đoàn thanh tra hoạt động điện lực do Sở Công Thương chủ trì;

- Triển khai công tác kiểm định đối chứng công tơ điện trên địa bàn tỉnh trong năm 2018; phối hợp Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL rà soát, thống kê phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu thực hiện gắn thiết bị in chứng từ bán hàng trên cột đo và chuyển đổi kinh doanh xăng E5;

- Triển khai việc Xây dựng Bản đồ số các trạm xăng dầu, cân đối chứng; tiếp tục biên tập, cập nhật thông tin trên website Chi cục; gửi tin, bài đăng trên website Sở;

- Rà soát, hoàn thành hồ sơ đăng ký bổ sung Đánh giá sự phù hợp theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP; gửi hồ sơ đăng ký đề nghị đánh giá lại chỉ định cơ sở đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; chuẩn bị các điều kiện phục vụ đánh giá chỉ định lĩnh vực phân tích phân bón của cục BVTV - Bộ NN&PTNT; nghiên cứu triển khai kiểm định an toàn, kiểm định tụ bù; tiếp tục hướng dẫn xây dựng tài liệu và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 tại các phường, xã./.

Phạm Cúc

BẢN TIN HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TỈNH BÌNH THUẬN

SỐ 42 - Tháng 3/2018 (Bản điện tử)

Biên tập, Trình bày: PHÒNG THÔNG BÁO HỎI ĐÁP TĐC & TBT

Địa chỉ liên hệ: 04 Nguyễn Hội – TP. Phan Thiết.

ĐT: 062.3754042. Email: phongtbt.binhthuan@gmail.com